

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHỤNG HIỆP
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 64/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 07 - 6 - 2022

“V/v Tranh chấp ly hôn”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHỤNG HIỆP, TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Văn Tuấn Khanh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phan Công Điện

2. Ông Nguyễn Thế Tự

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Công Trện – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa: Bà Phan Thị Cẩm Tú - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 6 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 202/2022/TLST-HN ngày 22 tháng 3 năm 2022 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 62/2022/QĐXX-ST ngày 26 tháng 4 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 40/2022/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Phạm Ngọc Đ, sinh năm 1988 (Có mặt)

Địa chỉ: ấp A, xã H, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang.

Bị đơn: Nguyễn Hoàng N, sinh năm 1987 (Vắng mặt)

Địa chỉ: ấp M, xã H, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn trình bày: Chị Đ và anh N sau thời gian quen biết, tìm hiểu và được gia đình hai bên đồng ý nên có tổ chức đám cưới năm 2011 nhưng không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng không quan

tâm chăm sóc cho nhau, thường xuyên cự cãi, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể hàn gắn lại được. Nay chị khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

Về quan hệ hôn nhân: Yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng giữa nguyên đơn Phạm Ngọc Đ và bị đơn Nguyễn Hoàng N.

Về con chung: quá trình chung sống có 02 con chung là Phạm Trí T2 (Giới tính: Nam), sinh ngày 02/5/2013 và Phạm Trí T (Giới tính: Nam), sinh ngày 26/01/2015. Chị Đ yêu cầu được trực tiếp nuôi con và chưa yêu cầu bị đơn cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn Nguyễn Hoàng N vắng mặt nhưng có cung cấp bản tự khai với nội dung: Anh thống nhất với chị Đ về quan hệ hôn nhân không có đăng ký kết hôn, về mâu thuẫn vợ chồng. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể hàn gắn lại được. Đã sống ly thân từ năm 2017 đến nay.

Về quan hệ hôn nhân: Yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng giữa nguyên đơn Phạm Ngọc Đ và bị đơn Nguyễn Hoàng N.

Về con chung: quá trình chung sống có 02 con chung là Phạm Trí T2 (Giới tính: Nam), sinh ngày 02/5/2013 và Phạm Trí T (Giới tính: Nam), sinh ngày 26/01/2015. Anh N thống nhất cho chị Đ được trực tiếp nuôi con và anh N chưa cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Chưa yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

- Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình thụ lý và xét xử vụ án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy trình thủ tục của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung giải quyết vụ án, kiểm sát viên đề nghị: Về quan hệ hôn nhân: Yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng giữa nguyên đơn và bị đơn; Về con

chung: Giao con chung cho nguyên đơn nuôi dưỡng và bị đơn chưa cấp dưỡng nuôi con chung; Về tài sản và nợ chung: Không có yêu cầu nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn và bị đơn sống chung như vợ chồng nhưng không có đăng ký kết hôn từ năm 2011. Đến trước thời điểm nguyên đơn khởi kiện tại Tòa án thì các đương sự vẫn chưa thực hiện việc đăng ký kết hôn theo quy định. Do vậy, quan hệ hôn nhân giữa các đương sự là không hợp pháp và không được pháp luật thừa nhận. Nên khi các đương sự có yêu cầu ly hôn thì Tòa án có thẩm quyền thụ lý, giải quyết và không công nhận vợ chồng cho các đương sự theo định tại khoản 7 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Điều 9, Điều 14, Điều 15 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Anh Nguyễn Hoàng N có nơi cư trú tại ấp M, xã H, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp theo quy định tại điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn Nguyễn Hoàng N đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt trong các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Tại các phiên tòa, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ những vẫn vắng mặt không lý do nên căn cứ vào Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét nguyên đơn khởi kiện yêu cầu không công nhận vợ chồng đối với bị đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng: Giữa nguyên đơn và bị đơn qua tìm hiểu, quen biết và bắt đầu chung sống như vợ chồng từ năm 2011 đến nay nhưng vẫn không có đăng ký kết hôn. Do vậy, hôn nhân của các đương sự không được pháp luật công nhận và không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của vợ chồng. Quá trình chung sống đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng không quan tâm chăm sóc cho nhau, thường xuyên cự cãi, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể hàn gắn lại được. Cho nên các đương sự thống nhất yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận vợ chồng. Xét thấy, tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định *“Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp*

lý”. Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu không công nhận vợ chồng là phù hợp với quy định của pháp luật nên có cơ sở chấp nhận.

[3] Về con chung: Nguyên đơn và bị đơn có 02 con chung là Phạm Trí T2 (Giới tính: Nam), sinh ngày 02/5/2013 và Phạm Trí T (Giới tính: Nam), sinh ngày 26/01/2015. Nguyên đơn và bị đơn thống nhất giao con chung cho nguyên đơn chăm sóc, nuôi dưỡng. Đồng thời, cả 02 cháu Phạm Trí T2 và Phạm Trí T cũng có nguyện vọng sống chung với nguyên đơn. Mặt khác, hiện nguyên đơn cũng đang nuôi dưỡng 02 cháu nên cần ổn định cuộc sống cho các cháu. Do đó, Hội đồng xét xử ghi nhận ý kiến của các đương sự. Giao cháu Phạm Trí T2 và Phạm Trí T cho nguyên đơn Phạm Ngọc Đ tiếp tục, chăm sóc nuôi dưỡng. Dành quyền tới lui, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho bị đơn Nguyễn Hoàng N không ai có quyền ngăn cản. Về cấp dưỡng nuôi con chung do nguyên đơn chưa yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chưa có yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[5] Về án phí hôn nhân và gia đình: Nguyên đơn phải nộp 300.000 đồng theo quy định.

[6] Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1, khoản 7 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự. Các Điều 9, Điều 14, Điều 15, Điều 53; Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Phạm Ngọc Đ.

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa nguyên đơn Phạm Ngọc Đ và bị đơn Nguyễn Hoàng N.

2. Về con chung: Giao con chung là Phạm Trí T2 (Giới tính: Nam), sinh ngày 02/5/2013 và Phạm Trí T (Giới tính: Nam), sinh ngày 26/01/2015 cho nguyên đơn Phạm Ngọc Đ trực tiếp nuôi dưỡng, bị đơn Nguyễn Hoàng N chưa phải cấp dưỡng nuôi con chung. Dành quyền tới lui, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho bị đơn Nguyễn Hoàng N không ai có quyền ngăn cản.

3. Về tài sản, nợ chung: Chưa yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn Phạm Ngọc Đ phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0007944 ngày 22 tháng 3 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang. Nguyên đơn Phạm Ngọc Đ không phải nộp thêm.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại địa phương nơi cư trú.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hậu Giang;
- VKSND H.Phụng Hiệp;
- UBND xã nơi cư trú;
- Chi cục THADS H.Phụng Hiệp;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Văn Tuấn Khanh